TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưởng

2. Ông Phạm Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Số 143/1, đường X, Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 1/7/5, Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà T có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 31/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Năm 2017, bà Nguyễn Thị Bích T và ông Nguyễn Ngọc T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An ngày 08/12/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống nhưng không đảm bảo hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau

dẫn đến cãi vã. Bà và ông T đã sống ly thân với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T thống nhất xác định bà và ông T có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 28/12/2019, Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 23/9/2018 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07/4/2021. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu Q và đồng ý cho ông T được quyền nuôi dưỡng cháu Đ, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 03 Giấy khai sinh (bản sao); 01 Căn cước công dân (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại thị trấn B, huyện B về việc tranh chấp *"Ly hôn"*. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

[2]. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3]. Bà Nguyễn Thị Bích T, ông Nguyễn Ngọc T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An ngày 08/12/2017 theo qui định. Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian dài chung sống nhưng

không đảm bảo hạnh phúc. Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, bà T cho rằng giữa bà T và ông T đã phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng không hòa hợp với nhau về mọi mặt và đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tà án đã cho bà T và ông T thời gian đoàn tụ nhưng ông T không có bất kỳ ý kiến về việc yêu cầu ly hôn của bà T mà vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả nên Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

[5]. Về nuôi con chung: Bà T xác định giữa bà và ông T chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Ngọc Ngà, sinh ngày 28/12/2019, Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 23/9/2018 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07/4/2021. Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu Q và đồng ý cho ông T được quyền trực tiếp nuôi cháu Đ, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo luật định nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T. Giao cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 28/12/2019 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07/4/2021. Giao cho ông Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 23/9/2018. Bà T và ông T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con theo luật định và có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con.

[6]. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Nợ chung: Bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điểm a khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T đối với ông Nguyễn Ngọc T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

2. Quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Ngà, sinh ngày 28/12/2019 và Nguyễn Ngọc Q, sinh ngày 07/4/2021. Ông Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 23/9/2018. Bà T và ông T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010010 ngày 02/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B chuyển sang án phí.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- UBND thị trấn Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nga

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Phạm Văn Tám – Nguyễn Thị Hưởng	**Đặng Thị Nga**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- UBND thị trấn Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nga

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Phạm Văn Tám – Nguyễn Thị Hưởng	**Đặng Thị Nga**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nga